

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CLEVER GROUP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 0829A/2023/CV-ADG

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2023

V/v giải trình kết quả kinh doanh tại
BCTC riêng và hợp nhất đã được soát xét
cho kỳ kế toán 6 tháng năm 2023

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HÀ CHÍ MINH**

Lời đầu tiên, Công ty cổ phần Clever Group (Mã chứng khoán: ADG) (Sau đây gọi tắt là "Công ty") xin được gửi lời chào trân trọng tới Quý Cơ quan.

Ngày 29/8/2023, Công ty đã thực hiện công bố thông tin Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023. Đối với thay đổi từ 10% trở lên của Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước, Công ty xin giải trình như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Báo cáo	6 tháng năm 2023	6 tháng năm 2022	Tỷ lệ thay đổi
Lợi nhuận sau thuế TNDN	BCTC riêng	4.284.320.772	13.165.356.084	-67%
	BCTC hợp nhất	6.017.844.454	25.383.666.679	-76%

Nguyên nhân chính dẫn đến việc lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2023 trên Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty giảm so với 6 tháng đầu năm 2022 do:

- Do ảnh hưởng bởi tình hình kinh tế trong nước nói riêng và kinh tế thế giới nói chung đều đang gặp khó khăn dẫn đến các công ty thắt chặt/hạn chế chi phí cho hoạt động quảng cáo; điều này đã dẫn đến doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty mẹ và hợp nhất trong giảm lần lượt là 32% và 27%. Việc thay đổi các chính sách tài chính cũng làm ảnh hưởng đến doanh thu từ hoạt động tài chính của công ty, cụ thể: doanh thu từ hoạt động tài chính của Công ty giảm 38% và hợp nhất giảm 23%.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng tăng so với 6 tháng đầu năm 2022.

Trên đây là nội dung giải trình về chênh lệch lợi nhuận sau thuế tại Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 so với cùng kỳ năm trước của Công ty cổ phần Clever Group. Chúng tôi cam kết thông tin trên là đúng sự thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu CT.

TM. CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVER GROUP



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nguyễn Khánh Trinh

Số: 0829B/2023/CV-ADG
V/v giải trình ý kiến kiểm toán trong Báo cáo tài chính riêng đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng năm 2023

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2023

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH**

Lời đầu tiên, Công ty cổ phần Clever Group (Mã chứng khoán: ADG) (Sau đây gọi tắt là “Công ty”) xin được gửi lời chào trân trọng tới Quý Cơ quan.

Ngày 29/8/2023, Công ty đã thực hiện công bố thông tin Báo cáo tài chính riêng đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023. Công ty xin giải trình ý kiến kiểm toán trên Báo cáo tài chính riêng đã được soát xét như sau:

I. Ý kiến ngoại trừ

1. Ý kiến ngoại trừ của Kiểm toán viên

“Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Như đã nêu tại mục 5.13 – Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty đang ghi nhận giao dịch mua biệt thự B8-12 Dự án khu biệt thự nhà vườn và thể thao giải trí tại xã Xuân Tiến, huyện Thạch Thất, Hà Nội của ông Nguyễn Khánh Trình – Chủ tịch Hội đồng quản trị trong kỳ kế toán với giá trị là 29.213.879.040 đồng. Với các tài liệu hiện có, chúng tôi chưa đủ cơ sở để đưa ra nhận xét về giá trị hợp lý của giao dịch mua biệt thự nêu trên.

Kết luận ngoại trừ

Ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty cổ phần Clever Group tại ngày 30/06/2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.”

2. Nội dung giải trình của Công ty

Giao dịch mua biệt thự được thực hiện vào cuối tháng 6/2023. Do đó, chúng tôi chưa thể bố trí được kiểm toán viên tham cùng cùng công tác định giá tài sản. Vì vậy, đơn vị kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ nêu trên. Công ty đang tiến hành bổ sung các tài liệu cần thiết liên quan đến tài sản để sớm bổ sung cho đơn vị kiểm toán.

II. Ý kiến nhấn mạnh

1. Vấn đề cần nhấn mạnh theo ý kiến của Kiểm toán viên

“Không nhằm phủ định kết luận kiểm toán nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến mục 5.2 trong Bản Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty hiện đang sở hữu các lô trái phiếu của Công ty TNHH Saigon Glory từ mã SGL-2020.01 đến SGL-2020.04 với số dư tại thời điểm 30/06/2023 là 24.512.740.578 đồng. Các mã trái phiếu này phát hành từ năm 2020, có thời gian đáo hạn là 18/06/2023 và 28/07/2023 và được Công ty TNHH Saigon Glory cam kết mua lại không chậm hơn thời điểm 12/06/2023. Tuy nhiên, đến



thời điểm hiện tại, Công ty TNHH Saigon Glory vẫn chưa thực hiện mua lại hay thanh toán khoản gốc và lãi đến hạn của các mã trái phiếu nêu trên do chưa đạt được thỏa thuận điều chỉnh liên quan đến tiến độ thanh toán gốc và lãi suất của trái phiếu với những người sở hữu trái phiếu.

Chúng tôi cũng muốn lưu ý người đọc đến mục 5.2 trong Bản Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty đang sở hữu lô trái phiếu của Công ty CP Đầu tư Tân Thành Long An với số dư tại thời điểm 30/06/2023 là 50.000.000.000 đồng. Các lô trái phiếu có kỳ hạn 05 năm, ngày phát hành 20/05/2021, ngày đáo hạn 20/05/2026; lãi trái phiếu trả định kỳ 6 tháng/lần, lãi suất không thấp hơn 10%/năm. Tuy nhiên trong kỳ, Công ty CP Đầu tư Tân Thành Long An đã chậm thanh toán lãi ngày 22/05/2023 và tài sản đảm bảo của lô trái phiếu này đang bị phong tỏa để điều tra do có liên quan đến vụ án của Tập đoàn Vạn Thịnh Phát.

Kết luận của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề trên.”

2. Nội dung giải trình của Công ty

Về trái phiếu Công ty sở hữu tính đến 30/6/2023, Công ty xin giải trình như sau:

a) Trái phiếu của Công ty TNHH Saigon Glory

Mã trái phiếu	Ngày đáo hạn	Số lượng trái phiếu	Tổng giá trị đầu tư	Số dư tại ngày 30/6/2023
SGL-2020.02	18/6/2023	100.000	10.000.000.000	10.000.000.000
SGL-2020.02	18/6/2023	118.570	11.999.933.699	11.999.932.578
SGL-2020.04	28/7/2023	25.000	2.500.000.000	2.512.808.000
Tổng		243.570	24.499.933.699	24.512.740.578

Trái phiếu của Công ty TNHH Saigon Glory có kỳ hạn 03 năm, ngày phát hành 18/06/2020 và 28/07/2020, ngày đáo hạn 18/06/2023 và 28/07/2023; lãi trái phiếu trả định kỳ 03 tháng/lần; lãi suất đầu tư từ 10,869%/năm đến 12,024%/năm. Tài sản đảm bảo là quyền tài sản phát sinh từ phần vốn góp của Công ty TNHH Tập đoàn BITECO vào Công ty TNHH Saigon Glory với giá trị phần vốn góp là 7.000.000.000.000 VND (chiếm tỷ lệ 100% vốn điều lệ) và tài sản gắn liền trên đất hình thành trong tương lai của dự án thành phần The Spirit of Saigon (bao gồm các tài sản thuộc Tháp A cấu phần khu văn phòng và khách sạn) được quản lý bởi ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam. Theo biên bản làm việc ngày 12/10/2022 giữa Công ty TNHH Saigon Glory và Công ty CP chứng khoán Tân Việt (đại lý phát hành), Saigon Glory cam kết sẽ mua lại trước hạn ngay khi có thể nhưng không muộn hơn ngày 12/06/2023. Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại, Công ty TNHH Saigon Glory vẫn chưa thực hiện mua lại hay thanh toán khoản gốc và lãi đến hạn của các lô trái phiếu từ mã SGL-2020.01 đến mã SGL-2020.05 do chưa đạt được thỏa thuận với người sở hữu trái phiếu điều chỉnh liên quan đến tiến độ thanh toán gốc và lãi suất của trái phiếu với những người sở hữu trái phiếu.

b) Trái phiếu Công ty CP Đầu tư Tân Thành Long An

Mã trái phiếu	Ngày đáo hạn	Số lượng trái phiếu	Tổng giá trị đầu tư	Số dư tại ngày 30/6/2023
TLACH2126001	20/5/2026	500.000	50.000.000.000	50.000.000.000

Trái phiếu của Công ty CP Đầu tư Tân Thành Long An có kỳ hạn 05 năm, ngày phát hành 20/05/2021, ngày đáo hạn 20/05/2026; lãi trái phiếu trả định kỳ 6 tháng/lần, lãi suất không thấp hơn 10%/năm, tài sản đảm bảo là quyền sử dụng 2.901.992 m² đất tại xã Tân Lập, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An có thời hạn sử dụng đến 30/03/2056 của Công ty CP Đầu tư

Tân Thành Long An được Ủy ban nhân dân tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/09/2009. Tài sản đảm bảo được quản lý bởi ngân hàng TMCP Sài Gòn. Tài sản đảm bảo hiện đang được phong tỏa do liên quan đến vụ án của Tập đoàn Vạn Thịnh Phát.

Trên đây là nội dung giải trình của Công ty về ý kiến ngoại trừ và ý kiến nhấn mạnh của tổ chức kiểm toán về Báo cáo tài chính riêng đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023. Chúng tôi cam kết thông tin trên là đúng sự thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Trân trọng cảm ơn./.

**XÁC NHẬN CỦA ĐƠN VỊ
KIỂM TOÁN**



[Handwritten signature]
GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Hồng Liên

**TM. CÔNG TY CỔ PHẦN
CLEVER GROUP**



[Handwritten signature]
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Nguyễn Khánh Trinh



CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVER GROUP
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	2 – 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 – 35

CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVER GROUP

Tòa nhà Five Star số 02 Kim Giang, Thanh Xuân, HN

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty cổ phần Clever Group (dưới đây được gọi là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023.

CÔNG TY

Công ty cổ phần Clever Group (tiền thân là Công ty cổ phần Quảng cáo Thông minh), được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102850165 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 04/08/2008. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về chức năng kinh doanh, tên Công ty, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần đầu đến lần thứ 20 ngày 16/12/2022 và Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 06/07/2023.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102850165 thay đổi lần thứ 20 ngày 16/12/2022 là 213.805.210.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm mười ba tỷ tám trăm linh năm triệu hai trăm mười nghìn đồng*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết trên sàn HOSE với mã cổ phiếu ADG.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 3, nhà G1, Tòa nhà Five Star số 2 Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Khánh Trinh	Chủ tịch
Bà Đôn Nữ Đức Hiền	Phó Chủ tịch
Bà Lưu Hoàng Anh	Thành viên
Ông Dư Khắc Châu	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 15/04/2023)
Ông Trần Đông Âu	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 15/04/2023)
Ông Lee SangSeok	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 15/04/2023)
Ông Cho Chang Huyn	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 15/04/2023)
Ông Phạm Thanh Hải	Thành viên độc lập (Miễn nhiệm từ ngày 15/04/2023)
Ông Trần Anh Nam	Thành viên độc lập
Ông Nguyễn Quang Quốc Phương	Thành viên độc lập (Bổ nhiệm từ ngày 15/04/2023)

Ban Điều hành

Ông Bạch Dương	Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 30/06/2023)
Bà Đôn Nữ Đức Hiền	Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 30/06/2023)
Bà Đôn Nữ Đức Hiền	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 30/06/2023)
Bà Lưu Hoàng Anh	Giám đốc chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
Bà Trần Thị Minh Tinh	Giám đốc chi nhánh Đà Nẵng

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 15/04/2023, Công ty có kế hoạch phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành là 64.100 cổ phiếu; mệnh giá 10.000 đồng/CP; tổng giá trị phát hành theo mệnh giá là 641.000.000 đồng. Thời gian phát hành dự kiến là trong năm 2023 sau khi nhận được sự chấp thuận của Ủy ban chứng khoán Việt Nam.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Theo nhận định của Ban Điều hành, xét trên những khía cạnh trọng yếu, ngoài sự kiện nêu trên không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM – Chi nhánh Miền Bắc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng và đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 30/06/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày của Công ty, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Điều hành Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành Công ty xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Phay mặt và đại diện cho Hội đồng quản trị,

Chủ tịch



Nguyễn Khánh Trình

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2023

Số: 39/2023/BCSX – CPAMB1

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Điều hành
Công ty cổ phần Clever Group

Chúng tôi thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty cổ phần Clever Group được lập ngày 25/08/2023, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30/06/2023, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Như đã nêu tại mục 5.13 – Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty đang ghi nhận giao dịch mua biệt thự B8 - 12 Dự án khu biệt thự nhà vườn và thể thao giải trí tại xã Xuân Tiến, huyện Thạch Thất, Hà Nội của ông Nguyễn Khánh Trình – Chủ tịch Hội đồng quản trị trong kỳ kế toán với giá trị là 29.213.879.040 đồng. Với các tài liệu hiện có, chúng tôi chưa đủ cơ sở để đưa ra nhận xét về giá trị hợp lý của giao dịch mua biệt thự nêu trên.

Kết luận ngoại trừ

Ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty cổ phần Clever Group tại ngày 30/06/2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Không nhằm phủ định kết luận kiểm toán nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến mục 5.2 trong Bản Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty hiện đang sở hữu các lô trái phiếu của Công ty TNHH Saigon Glory từ mã SGL-2020.01 đến SGL-2020.04 với số dư tại thời điểm 30/06/2023 là 24.512.740.578 đồng. Các mã trái phiếu này phát hành từ năm 2020, có thời gian đáo hạn là 18/06/2023 và 28/07/2023 và được Công ty TNHH Saigon Glory cam kết mua lại không chậm hơn thời điểm 12/06/2023. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Công ty TNHH Saigon Glory vẫn chưa thực hiện mua lại hay thanh toán khoản gốc và lãi đến hạn của các mã trái phiếu nêu trên do chưa đạt được thỏa thuận điều chỉnh liên quan đến tiến độ thanh toán gốc và lãi suất của trái phiếu với những người sở hữu trái phiếu.

Chúng tôi cũng muốn lưu ý người đọc đến mục 5.2 trong Bản Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty đang sở hữu lô trái phiếu của Công ty CP Đầu tư Tân Thành Long An với số dư tại thời điểm 30/06/2023 là 50.000.000.000 đồng. Các lô trái phiếu có kỳ hạn 05 năm, ngày phát hành 20/05/2021, ngày đáo hạn 20/05/2026; lãi trái phiếu trả định kỳ 6 tháng/lần, lãi suất không thấp hơn 10%/năm. Tuy nhiên trong kỳ, Công ty CP Đầu tư Tân Thành Long An đã chậm thanh toán lãi ngày 22/05/2023 và tài sản đảm bảo của lô trái phiếu này đang bị phong tỏa để điều tra do có liên quan đến vụ án của Tập đoàn Vạn Thịnh Phát.

Kết luận ngoại trừ của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi các vấn đề trên.



Nguyễn Thị Hồng Liên

Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0445-2023-137-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM – CHI NHÁNH MIỀN BẮC

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/06/2023	01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		171.738.104.347	180.697.875.974
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	8.820.903.851	17.152.870.544
1. Tiền	111		8.820.903.851	9.352.870.544
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	7.800.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	112.486.519.667	56.897.949.515
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		112.486.519.667	56.897.949.515
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		46.579.238.537	105.657.843.537
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	32.985.999.268	57.468.072.751
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	177.077.220	726.655.281
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	2.000.000.000	3.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	11.773.791.720	44.820.745.176
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(357.629.671)	(357.629.671)
IV. Hàng tồn kho	140	5.8	3.428.466.747	923.718.045
1. Hàng tồn kho	141		3.428.466.747	923.718.045
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		422.975.545	65.494.333
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	422.975.545	65.494.333
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		205.868.046.405	182.167.729.516
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		40.010.000.000	40.010.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	40.010.000.000	40.010.000.000
II. Tài sản cố định	220		9.000.404.419	10.002.628.807
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.11	5.441.239.022	6.169.681.454
- Nguyên giá	222		14.149.791.182	14.149.791.182
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.708.552.160)	(7.980.109.728)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.12	3.559.165.397	3.832.947.353
- Nguyên giá	228		4.380.511.265	4.380.511.265
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(821.345.868)	(547.563.912)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.13	34.131.653.675	4.917.774.635
- Nguyên giá	231		34.131.653.675	4.917.774.635
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.639.396.885	1.639.396.885
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	1.639.396.885	1.639.396.885
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	120.829.117.555	125.397.176.893
1. Đầu tư vào công ty con	251		49.676.039.000	49.676.039.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		4.219.693.080	4.219.693.080
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(14.020.808.757)	(14.085.760.956)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		80.954.194.232	85.587.205.769
VI. Tài sản dài hạn khác	260		257.473.871	200.752.296
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	257.473.871	200.752.296
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		377.606.150.752	362.865.605.490

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/06/2023	01/01/2023
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		85.383.793.669	74.927.569.179
I. Nợ ngắn hạn	310		85.383.793.669	74.927.569.179
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	20.230.697.071	31.668.367.236
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	4.999.694.500	4.459.786.091
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	5.180.124.711	11.894.926.556
4. Phải trả người lao động	314		1.738.114.091	1.612.614.170
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	35.273.378	21.122.249
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	912.119.723	752.432.488
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19	52.287.770.195	24.518.320.389
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
II. Nợ dài hạn	330			
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		292.222.357.083	287.938.036.311
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.20	292.222.357.083	287.938.036.311
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		213.805.210.000	213.805.210.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		213.805.210.000	213.805.210.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		34.940.000	34.940.000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		78.382.207.083	74.097.886.311
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		74.097.886.311	38.694.017.147
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.284.320.772	35.403.869.164
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		377.606.150.752	362.865.605.490

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



NGUYỄN THỊ NGÀ



NGUYỄN THỊ NGÀ



ĐỖ NỮ ĐỨC HIỀN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	143.861.457.938	211.803.691.462
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		143.861.457.938	211.803.691.462
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	126.938.154.035	186.913.402.950
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		16.923.303.903	24.890.288.512
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	6.928.720.758	11.104.463.489
7. Chi phí tài chính	22	6.4	1.352.085.734	4.498.249.301
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.065.409.547	3.290.904.202
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	8.135.168.810	7.289.748.510
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	8.349.571.993	6.616.380.222
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.015.198.124	17.590.373.968
11. Thu nhập khác	31	6.6	34.732.007	9.484.339
12. Chi phí khác	32	6.6	565.190.869	990.915.301
13. Lợi nhuận khác	40		(530.458.862)	(981.430.962)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.484.739.262	16.608.943.006
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	1.200.418.490	3.443.586.922
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.284.320.772	13.165.356.084

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ NGÀ

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ NGÀ

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2023

Giám đốc



ĐÓN NỮ ĐỨC HIỀN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2022
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	5.484.739.262	16.608.943.006
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	1.002.224.388	964.479.824
- Các khoản dự phòng	03	(64.952.199)	1.207.334.665
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(102.002.542)	(341.909.738)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(6.825.946.342)	(10.553.036.654)
- Chi phí lãi vay	06	1.065.409.547	3.290.904.202
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	559.472.114	11.176.715.305
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	69.424.026.417	10.183.286.422
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(2.504.748.702)	(10.640.317.970)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(24.246.485.933)	(29.982.734.615)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(414.202.787)	611.594.580
- Tiền lãi vay đã trả	14	(1.030.136.169)	(3.247.624.907)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.150.922.347)	(6.757.546.201)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	36.637.002.593	(28.656.627.386)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(29.213.879.040)	(5.162.710.109)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	2.287.272.727
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(116.188.570.152)	(365.999.972.748)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	66.233.011.537	370.967.609.625
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(8.900.000.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.380.524.925	1.385.818.782
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(72.788.912.730)	(5.421.981.723)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	116.913.183.955	271.751.654.740
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(89.143.734.149)	(234.280.593.917)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	27.769.449.806	37.471.060.823
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	(8.382.460.332)	3.392.451.714
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	17.152.870.544	5.179.336.811
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	50.493.639	6.219.213
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	8.820.903.851	8.578.007.738

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ NGÀ

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ NGÀ

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2023

Giám đốc



ĐỖ NỮ ĐỨC HIỀN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty cổ phần Clever Group (tiền thân là Công ty cổ phần Quảng cáo Thông minh), được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102850165 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 04/08/2008. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về chức năng kinh doanh, tên Công ty, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần đầu đến lần thứ 20 ngày 16/12/2022 và Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 06/07/2023.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102850165 thay đổi lần thứ 20 ngày 16/12/2022 là 213.805.210.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm mười ba tỷ tám trăm linh năm triệu hai trăm mười nghìn đồng*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết trên sàn HOSE với mã cổ phiếu ADG.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 3, nhà G1, Tòa nhà Five Star số 2 Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2023 là 194 người; cán bộ quản lý là 06 người (Tại ngày 31/12/2022, tổng số cán bộ nhân viên là 189 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là cung cấp dịch vụ quảng cáo.

Hoạt động của Công ty bao gồm:

- *Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính. Chi tiết: Dịch vụ máy vi tính và các dịch vụ liên quan đến máy vi tính;*
- *Quảng cáo. Chi tiết: Dịch vụ quảng cáo (Trừ dịch vụ quảng cáo thuốc lá);*
- *Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Dịch vụ tư vấn quản lý;*
- *Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ Telex.*

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là cung cấp dịch vụ quảng cáo.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/06/2023, Công ty có các công ty con, liên doanh, liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

Tên công ty con/công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty con		(%)	(%)	
1. Công ty PT CleverAds	Indonesia	95	95	Dịch vụ quảng cáo
2. Công ty cổ phần Review Thông Minh	Việt Nam	70	70	Dịch vụ quảng cáo
3. Công ty TNHH Quảng cáo Thông Minh Myanmar	Myanmar	99	99	Dịch vụ quảng cáo
4. Công ty cổ phần Orion Media	Việt Nam	77	77	Sản xuất nội dung truyền thông, quảng cáo thương hiệu, sản phẩm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)**1.4 Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)**

Tên công ty con/công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty con		(%)	(%)	
5. Công ty cổ phần Truyền thông NAH	Việt Nam	72	72	Sản xuất nội dung truyền thông, quảng cáo thương hiệu, sản phẩm
6. Công ty cổ phần Công nghệ quảng cáo ADTech	Việt Nam	60	60	Triển khai các giải pháp kỹ thuật mới, mở rộng và nâng cao hiệu quả các kênh quảng cáo. Tối ưu hóa doanh thu cho các mobile apps dựa trên công nghệ blockchain và AI
7. Công ty cổ phần Trực tuyến Clever X	Việt Nam	75	75	Đại lý, môi giới, hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, lập trình máy vi tính, xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động khác liên quan, công thông tin, dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đầu
8. Công ty cổ phần Cmetric	Việt Nam	88,33	88,33	Dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy tính
9. Công ty cổ phần Công nghệ Giáo dục lớp học mới	Việt Nam	97,5	97,5	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục
10. Công ty cổ phần AGLOBAL	Việt Nam	85	85	Cổng thông tin (trừ hoạt động báo chí) chi tiết thiết lập mạng xã hội, dịch vụ thương mại điện tử
11. Công ty CLEVERADS PHILIPPINES	Philippines	55	55	Dịch vụ quảng cáo
Công ty liên kết				
1. Công ty cổ phần Mạng Quảng cáo Thông Minh (ii)	Việt Nam	40	40	Quảng cáo trên điện thoại di động
2. Công ty TNHH ADOP Vietnam (i)	Việt Nam	40	40	Dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính
3. Công ty TNHH VKIDS Việt Nam	Việt Nam	38	38	Xuất bản phần mềm
4. Công ty cổ phần công nghệ Lazi	Việt Nam	38	38	Quảng cáo
5. Công ty cổ phần TECHCEN	Việt Nam	29	29	Lập trình máy vi tính

(i) Công ty TNHH ADOP Vietnam đang trong quá trình hoàn tất thủ tục giải thể doanh nghiệp.

(ii) Công ty cổ phần Mạng Quảng cáo Thông Minh đang tạm dừng hoạt động trong thời gian 01 năm từ 16/12/2022 đến 16/12/2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (Tiếp theo)**1.4 Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)**

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 30/06/2023 bao gồm:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh	27 Thăng Long, Phường 04, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh tại TP Đà Nẵng	Tòa nhà Thành Quân Building, số 132 - 136 Lê Đình Lý, phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01/01 đến ngày 30/06.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1 Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2012/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Điều hành Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (Tiếp theo)**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của Chi nhánh Đà Nẵng, Chi nhánh Hồ Chí Minh và Báo cáo tài chính của Văn phòng Hà Nội. Các giao dịch nội bộ và số dư giữa Văn phòng Hà Nội với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo là Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, do vậy không bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2023 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc kế toán Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính*****Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và các khoản trái phiếu nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho cuối kỳ là chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của các hợp đồng chưa được nghiệm thu. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành giá vốn phù hợp với các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của từng nhóm tài sản cố định như sau:

<i>Tài sản</i>	<i>Thời gian khấu hao</i>
Phương tiện vận tải	06 - 08 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 năm

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 08 năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư chờ tăng giá.

Nguyên tắc kế toán Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 18 đến 36 tháng.

Tiền thuê văn phòng trả trước

Tiền thuê văn phòng trả trước thể hiện khoản tiền thuê văn phòng đã trả cho phần diện tích Công ty đang thuê. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian trả trước.

Các chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác bao gồm cước phí internet và thuê dịch vụ máy chủ được phân bổ trong thời gian 12 tháng và 15 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Chi phí phải trả cuối kỳ là các khoản lãi vay phải trả.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành bổ sung. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu và doanh thu khác**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu cung cấp dịch vụ quảng cáo.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của dịch vụ đã cung cấp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn và lỗ tỷ giá hối đoái.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế. Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Tiền mặt tại quỹ	6.470.348.486	1.294.927.977
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.350.555.365	8.057.942.567
Các khoản tương đương tiền	-	7.800.000.000
Tổng	8.820.903.851	17.152.870.544

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	112.486.519.667	112.486.519.667	56.897.949.515	56.897.949.515
- Tiền gửi có kỳ hạn (ii)	87.973.779.089	87.973.779.089	32.385.207.597	32.385.207.597
- Trái phiếu (i)	24.512.740.578	24.512.740.578	24.512.741.918	24.512.741.918
<i>Công ty TNHH Sài Gòn Glory (1)</i>	24.512.740.578	24.512.740.578	24.512.741.918	24.512.741.918
Dài hạn	80.954.194.232	80.954.194.232	85.587.205.769	85.587.205.769
- Trái phiếu (i)	80.954.194.232	80.954.194.232	85.587.205.769	85.587.205.769
<i>Công ty cổ phần Đầu tư Tân Thành Long An (2)</i>	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
<i>Công ty CP Đầu tư và PT thủy điện ĐăkPsi (3)</i>	25.966.893.232	25.966.893.232	30.599.904.399	30.599.904.399
<i>Công ty CP Đầu tư năng lượng Nam Phương (4)</i>	4.987.301.000	4.987.301.000	4.987.301.370	4.987.301.370
Tổng	193.440.713.899	193.440.713.899	142.485.155.284	142.485.155.284

(i): Các khoản đầu tư trái phiếu có kỳ hạn nắm giữ còn lại dưới 12 tháng được phân loại vào ngắn hạn và các khoản có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng được phân loại vào dài hạn với lãi suất đầu tư từ 10,749% - 12,024%/năm. Các khoản trái phiếu sẽ được nắm giữ đến ngày đáo hạn; chi tiết như sau:

(1): Trái phiếu của Công ty TNHH Saigon Glory có kỳ hạn 03 năm, ngày phát hành 18/06/2020 và 28/07/2020, ngày đáo hạn 18/06/2023 và 28/07/2023; lãi trái phiếu trả định kỳ 03 tháng/lần; lãi suất đầu tư từ 10,869%/năm đến 12,024%/năm. Tài sản đảm bảo là quyền tài sản phát sinh từ phần vốn góp của Công ty TNHH Tập đoàn BITEXCO vào Công ty TNHH Saigon Glory với giá trị phần vốn góp là 7.000.000.000.000 VND (chiếm tỷ lệ 100% vốn điều lệ) và tài sản gắn liền trên đất hình thành trong tương lai của dự án thành phần The Spirit of Saigon (bao gồm các tài sản thuộc Tháp A cầu phần khu văn phòng và khách sạn) được quản lý bởi ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam. Theo biên bản làm việc ngày 12/10/2022 giữa Công ty TNHH Saigon Glory và Công ty CP chứng khoán Tân Việt (đại lý phát hành), Saigon Glory cam kết sẽ mua lại trước hạn ngay khi có thể nhưng không muộn hơn ngày 12/06/2023. Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại, Công ty TNHH Saigon Glory vẫn chưa thực hiện mua lại hay thanh toán khoản gốc và lãi đến hạn của các lô trái phiếu từ mã SGL-2020.01 đến mã SGL-2020.05 do chưa đạt được thỏa thuận điều chỉnh liên quan đến tiến độ thanh toán gốc và lãi suất của trái phiếu với những người sở hữu trái phiếu.

(2): Trái phiếu của Công ty CP Đầu tư Tân Thành Long An có kỳ hạn 05 năm, ngày phát hành 20/05/2021, ngày đáo hạn 20/05/2026; lãi trái phiếu trả định kỳ 6 tháng/lần, lãi suất không thấp hơn 10%/năm, tài sản đảm bảo là quyền sử dụng 2.901.992 m² đất tại xã Tân Lập, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An có thời hạn sử dụng đến 30/03/2056 của Công ty CP Đầu tư Tân Thành Long An được Ủy ban nhân dân tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/09/2009. Tài sản đảm bảo được quản lý bởi ngân hàng TMCP Sài Gòn. Tài sản đảm bảo hiện đang bị phong tỏa do liên quan đến vụ án của Tập đoàn Vạn Thịnh Phát.

(3): Trái phiếu của Công ty CP Đầu tư và PT thủy điện ĐăkPsi có kỳ hạn 10 năm, ngày phát hành 15/03/2021, ngày đáo hạn 15/03/2031; lãi trái phiếu trả định kỳ 03 tháng/lần; lãi suất đầu tư từ 10,73%/năm đến 10,749%/năm. Tài sản đảm bảo là toàn bộ cổ phần trong Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển thủy điện ĐăkPsi của Công ty TNHH BB HYDRO POWER ĐĂKPSI có tổng mệnh giá là 410.454.500.000 VND (chiếm 98,09% vốn điều lệ) và quyền đòi nợ, quyền yêu cầu thanh toán, quyền được bồi thường thiệt hại thuộc sở hữu của Công ty CP Đầu tư và phát triển thủy điện ĐăkPsi phát sinh từ hợp đồng mua bán điện số 07/2012 ĐĂKPSI 3/EVN CPC - DIHC ngày 25/07/2012 và số 08/2010 ĐĂKPSI 4/EVN CPC-ĐĂK PSI ngày 06/08/2010 và các hợp đồng, phụ lục hợp đồng sửa đổi bổ sung (nếu có) được ký giữa Công ty CP Đầu tư và phát triển thủy điện ĐăkPsi và Tổng công ty điện lực Miền Trung. Các tài sản đảm bảo này được quản lý bởi ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)****a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

(4): Trái phiếu của Công ty CP Đầu tư năng lượng Nam Phương có kỳ hạn 05 năm, ngày phát hành 23/08/2021, ngày đáo hạn 23/08/2026; lãi trái phiếu trả định kỳ 03 tháng/lần với lãi suất đầu tư 11,123%/năm. Tài sản đảm bảo là quyền khai thác quặng sắt tại Dự án Khai thác và tuyển quặng sắt Mô sắt Ba Hòn - Làng Lếch, xã Sơn Thủy, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai theo giấy phép khai thác khoáng sản số 1408/GP-BTNMT cấp ngày 29/08/2012 của Công ty CP Khai thác và chế biến khoáng sản Lào Cai, toàn bộ máy móc thiết bị theo bảng kê chi tiết TSCĐ thuộc sở hữu của Công ty CP Khai thác và chế biến khoáng sản Lào Cai với tổng nguyên giá là 30.000.000.000 VND và phần vốn góp của ông Vũ Quang Báo trong Công ty TNHH Tập đoàn BITECO có giá trị 200.000.000.000 VND (chiếm 3,2% vốn điều lệ). Các tài sản đảm bảo này được quản lý bởi ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội.

(ii): Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn 06 tháng và lãi suất từ 7,3%/năm đến 10,5%/năm.

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tóm tắt tình hình hoạt động kinh doanh công ty con, công ty liên kết trong kỳ:

Công ty con/Công ty liên kết	Kết quả hoạt động kinh doanh
Các công ty con	
1. Công ty PT CleverAds	Hoạt động kinh doanh bị lỗ
2. Công ty CP Review Thông minh	Hoạt động kinh doanh có lãi
3. Công ty CP Orion Media	Hoạt động kinh doanh bị lỗ
4. Công ty CP Truyền thông NAH	Hoạt động kinh doanh bị lỗ
5. Công ty CP Công nghệ quảng cáo ADTech	Hoạt động kinh doanh có lãi
6. Công ty CP Trực tuyến CleverX	Hoạt động kinh doanh bị lỗ
7. Công ty CP Công nghệ Giáo dục lớp học mới	Hoạt động kinh doanh bị lỗ
8. Công ty CP CMetric	Hoạt động kinh doanh có lãi
9. Công ty cổ phần AGLOBAL	Hoạt động kinh doanh bị lỗ
10. Công ty CLEVERADS PHILLIPINE	Hoạt động kinh doanh có lãi
11. Công ty TNHH Quảng Cáo thông minh Myanmar	Chưa hoạt động
Các công ty liên kết	
12. Công ty CP Mạng Quảng Cáo Thông Minh	Đang tạm dừng hoạt động 01 năm
13. Công ty TNHH ADOP Vietnam	Đang trong quá trình giải thể doanh nghiệp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Tiếp theo)

	Tỷ lệ		30/06/2023 (VND)			01/01/2023 (VND)		
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý (i)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con			49.676.039.000		(13.586.208.754)	49.676.039.000		(13.651.160.953)
- Công ty PT CleverAds	95%	95%	3.351.315.000		(3.351.315.000)	3.351.315.000		(3.351.315.000)
- Công ty CP Review Thông minh	70%	70%	12.950.000.000		-	12.950.000.000		-
- Công ty CP Orion Media	77%	77%	8.316.000.000		(7.420.444.161)	8.316.000.000		(7.419.062.580)
- Công ty CP Truyền thông NAH	72%	72%	740.564.000		-	740.564.000		-
- Công ty CP Công nghệ quảng cáo ADTech	60%	60%	600.000.000		-	600.000.000		-
- Công ty CP Trực tuyến CleverX	75%	75%	2.250.000.000		(743.786.562)	2.250.000.000		(741.372.947)
- Công ty CP Công nghệ Giáo dục lớp học mới	97,5%	97,5%	11.000.000.000		-	11.000.000.000		-
- Công ty cổ phần CMETRIC	88,33%	88,33%	7.125.000.000		(1.709.074.982)	7.125.000.000		(1.903.613.124)
- Công ty cổ phần AGLOBAL	85%	85%	425.000.000		(361.588.049)	425.000.000		(235.797.302)
- Công ty CLEVERADS PHILLIPINE	55%	55%	2.918.160.000		-	2.918.160.000		-
Đầu tư vào công ty liên kết			4.219.693.080		(434.600.003)	4.219.693.080		(434.600.003)
- Công ty CP Mạng Quảng cáo Thông minh	40%	40%	1.756.000.000		(285.464.721)	1.756.000.000		(285.464.721)
- Công ty TNHH ADOP Vietnam	40%	40%	2.463.693.080		(149.135.282)	2.463.693.080		(149.135.282)
Tổng			53.895.732.080		(14.020.808.757)	53.895.732.080		(14.085.760.956)

(i) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các công ty con và công ty liên kết tại ngày kết thúc kỳ tài chính do cổ phiếu và vốn của các công ty này chưa được niêm yết và các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

5.3 Phải thu khách hàng ngắn hạn

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
CleverAds Philippines Corporation	2.889.495.356	2.840.814.626
Công ty cổ phần TIKI	-	14.381.692.147
Tổng công ty hàng không Việt Nam	1.078.660.000	9.638.558.686
Công ty TNHH MERAP TRADING	-	410.202.000
Công ty TNHH Truyền thông số vàng	-	1.082.868.979
Công ty TNHH PP THACO AUTO	616.920.000	1.735.020.000
Công ty TNHH Nha khoa KIM	1.868.660.380	2.286.257.318
Công ty PT CleverAds	4.219.441.484	3.108.440.488
Công ty cổ phần NOVAREAL	4.231.869.649	3.532.153.382
Công ty CP giáo dục quốc tế Hà Nội TORONTO	1.056.894.080	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	1.472.587.542	373.945.999
Các khách hàng khác	15.551.470.777	18.078.119.126
Tổng	32.985.999.268	57.468.072.751

Trong đó:

Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 7.2)	8.462.774.038	7.027.249.242
--	----------------------	----------------------

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ông Đặng Trọng Toàn	-	360.000.000
Công ty TNHH TVTK PM Cảnh Cam	-	280.000.000
Công ty TNHH Truyền thông HA.TDT	-	48.600.000
Công ty CP TT và giải trí Trusted Media	-	32.400.000
Công ty CP du lịch & bất động sản Hoàng Gia	100.000.000	-
Công ty TNHH Truyền thông Thượng Âm	77.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	77.220	5.655.281
Tổng	177.077.220	726.655.281

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**5.5 Phải thu về cho vay**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	2.000.000.000	3.000.000.000
Công ty cổ phần công nghệ PIHOME (i)	500.000.000	500.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ KT điện và xúc tiến thương mại (i)	1.500.000.000	2.500.000.000
Dài hạn	-	-
Tổng	2.000.000.000	3.000.000.000

(i): Khoản cho vay được đảm bảo bằng các bất động sản, khoản vay có thời hạn trong 18 tháng kể từ ngày vay, có lãi suất cho vay từ 10%/năm đến 11.5%/năm.

5.6 Các khoản phải thu khác

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	11.773.791.720	44.820.745.176
- Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn (i)	6.792.713.437	12.422.222.756
- Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	3.989.422.713	2.764.815.945
- Lãi dự thu trái phiếu	163.292.678	385.779.154
- Lãi dự thu từ các khoản cho vay	197.025.754	753.724.629
- Phải thu tạm ứng	-	6.300.000.000
- Phải thu khác	631.337.138	22.194.202.692
+ Phải thu ông Nguyễn Khánh Trình	-	20.900.000.000
+ Phải thu thuế GTGT nhà thầu	631.337.138	1.273.569.062
+ Phải thu khác	-	20.633.630
Dài hạn	40.010.000.000	40.010.000.000
- Cầm cố, ký quỹ, ký cược dài hạn (ii)	40.010.000.000	40.010.000.000
Tổng	51.783.791.720	84.830.745.176

Trong đó:

Số dư các khoản phải thu khác với bên LQ - 27.200.000.000

(Chi tiết tại thuyết minh số 7.2)

- (i) Bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng được Công ty sử dụng để cầm cố tại thời điểm 30/06/2023 cho mục đích bảo đảm khoản vay tại các Ngân hàng thương mại như trình bày tại Thuyết minh số 5.17 và các khoản đặt cọc thuê văn phòng; ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng. Chi tiết như sau:
- Các Hợp đồng tiền gửi của Công ty cổ phần Clever Group tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với tổng giá trị cầm cố là 4.249.677.233 VND, lãi suất 4,7%/năm được thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hoàn Kiếm.
 - Các Hợp đồng tiền gửi của Công ty cổ phần Clever Group tại Ngân hàng CitiBank với tổng giá trị cầm cố là 1.500.000.000 VND, lãi suất 0,05%/năm được thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng CitiBank.
 - Các khoản đặt cọc thuê văn phòng tại Hà Nội, chi nhánh Đà Nẵng và chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh với số tiền là 761.036.204 VND.
 - Các khoản ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng với số tiền là 282.000.000 VND.
- (ii) Số dư cầm cố, ký quỹ, ký cược dài hạn phân ánh trái phiếu dài hạn của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam được Công ty sử dụng để cầm cố tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam cho mục đích bảo đảm khoản vay tại ngân hàng này như trình bày tại Thuyết minh số 5.17. Chi tiết bao gồm:
- Trái phiếu mã số CTG1929T2/01_270 với giá trị ghi sổ tại 30/06/2023 là 5.010.000.000 VND, lãi suất 6,725%/năm, kỳ hạn 10 năm.
 - Trái phiếu mã số CTG208T2/02_119 với giá trị ghi sổ tại 30/06/2023 là 35.000.000.000 VND, lãi suất 6,425%/năm, kỳ hạn 8 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**5.7 Nợ xấu**

	30/06/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty cổ phần Đầu tư thương mại và Phát triển nhà Việt Nam	41.454.545	-	41.454.545	-
Công ty TNHH GOGALA	49.745.079	-	49.745.079	-
Công ty TNHH Xây dựng Hàng rào Biệt Thự	53.745.958	-	53.745.958	-
Công ty TNHH ILA Việt Nam	66.734.809	-	66.734.809	-
Công ty TNHH quảng cáo truyền thông Minh Thành Phát	145.949.280	-	145.949.280	-
Tổng	357.629.671	-	357.629.671	-

5.8 Hàng tồn kho

	30/06/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí SXKD dở dang	3.428.466.747	-	923.718.045	-
Tổng	3.428.466.747	-	923.718.045	-

5.9 Chi phí trả trước

	30/06/2023 (VND)	01/01/2023 (VND)
Ngắn hạn	422.975.545	65.494.333
- Chi phí thuê văn phòng	400.454.333	40.454.333
- Giá trị công cụ dụng cụ	10.921.212	-
- Chi phí trả trước khác	11.600.000	25.040.000
Dài hạn	257.473.871	200.752.296
- Công cụ dụng cụ phân bổ	250.713.871	200.752.296
- Chi phí trả trước dài hạn khác	6.760.000	-
Tổng	680.449.416	266.246.629

5.10 Tài sản dở dang dài hạn

	30/06/2023 (VND)	01/01/2023 (VND)
Đầu tư mua sắm tài sản cố định		
- Chi phí đầu tư phần mềm về CSDL	1.639.396.885	1.639.396.885
Tổng	1.639.396.885	1.639.396.885

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

5.11 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	<i>Nhà cửa VKT</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	<i>Tổng</i>
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2023	-	13.813.197.727	336.593.455	14.149.791.182
Mua trong kỳ	-	-	-	-
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2023	-	13.813.197.727	336.593.455	14.149.791.182
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2023	-	7.643.516.273	336.593.455	7.980.109.728
Khấu hao trong kỳ	-	728.442.432	-	728.442.432
Tăng khác	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2023	-	8.371.958.705	336.593.455	8.708.552.160
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2023	-	6.169.681.454	-	6.169.681.454
Tại ngày 30/06/2023	-	5.441.239.022	-	5.441.239.022

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30/06/2023 là 4.354.845.182 VND (ngày 31/12/2022: 4.354.845.182 VND).

5.12 Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	<i>Quyền SD đất</i>	<i>Bằng phát minh sáng chế</i>	<i>Phần mềm</i>	<i>Tổng</i>
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2023	-	-	4.380.511.265	4.380.511.265
Mua trong kỳ	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2023	-	-	4.380.511.265	4.380.511.265
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2023	-	-	547.563.912	547.563.912
Khấu hao trong kỳ	-	-	273.781.956	273.781.956
Tại ngày 30/06/2023	-	-	821.345.868	821.345.868
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2023	-	-	3.832.947.353	3.832.947.353
Tại ngày 30/06/2023	-	-	3.559.165.397	3.559.165.397

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

5.13 Tăng giảm bất động sản đầu tư

	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỜ TĂNG GIÁ				
NGUYÊN GIÁ	4.917.774.635	29.213.879.040	-	34.131.653.675
Nhà và quyền sử dụng đất (*)	4.917.774.635	29.213.879.040	-	34.131.653.675
TỶN THẤT DO SUY GIẢM GIÁ TRỊ	-	-	-	-
Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	4.917.774.635	29.213.879.040	-	34.131.653.675
Nhà và quyền sử dụng đất	4.917.774.635	29.213.879.040	-	34.131.653.675

(*): Ngày 29/06/2023, Công ty có mua biệt thự B8-12 Dự án khu biệt thự nhà vườn và thể thao giải trí tại xã Xuân Tiến, huyện Thạch Thất, Hà Nội của ông Nguyễn Khánh Trình - Chủ tịch Hội đồng quản trị theo Văn bản chuyển nhượng hợp đồng mua bán biệt thự có chứng nhận của Văn phòng công chứng Thanh Xuân với giá thỏa thuận là 29.213.879.040. Việc mua bán nêu trên đã được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt tại Biên bản họp Hội đồng quản trị số 09.2023 ngày 29.06.2023.

Bất động sản mà Công ty đang nắm giữ nhằm mục đích chờ tăng giá là sản văn phòng tầng 11 tại C1 tập thể Thành Công, phường Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội và biệt thự B8-12 Dự án khu biệt thự nhà vườn và thể thao giải trí tại xã Xuân Tiến, huyện Thạch Thất, Hà Nội.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày 30/06/2023 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty không có đủ thông tin để xác định được giá trị hợp lý của các tài sản này tại ngày lập Bảng Cân đối kế toán.

5.14 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH MTV Thương mại TIKI	-	-	222.583.249	222.583.249
Meta Platforms Ireland Limited	11.686.213.337	11.686.213.337	13.223.103.935	13.223.103.935
Google Ireland Ltd	3.000.877.575	3.000.877.575	16.407.336.096	16.407.336.096
Công ty TNHH TM và Truyền thông Biển Đông	88.363.000	88.363.000	206.528.400	206.528.400
Công ty cổ phần Forza	427.377.864	427.377.864	681.353.133	681.353.133
Công ty cổ phần Review Thông Minh	228.875.889	228.875.889	564.674.111	564.674.111
Công ty cổ phần truyền thông NAH	2.500.000.000	2.500.000.000	-	-
Ông Nguyễn Khánh Trình	1.813.879.040	1.813.879.040	-	-
Các nhà cung cấp khác	485.110.366	485.110.366	362.788.312	362.788.312
Tổng	20.230.697.071	20.230.697.071	31.668.367.236	31.668.367.236

Trong đó:

Phải trả người bán là các bên liên quan 4.542.754.939 564.674.111
(Chi tiết tại thuyết minh số 7.2)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

5.15 Người mua trả trước ngắn hạn

	30/06/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Văn hóa và Truyền thông AZ Việt Nam	176.796.000	176.796.000	20.337.027	20.337.027
Công ty CP Chứng khoán PINETREE	-	-	486.233.796	486.233.796
Công ty CP Tập đoàn MEEY LAND	120.231.738	120.231.738	149.019.466	149.019.466
Công ty CP Truyền thông và giải trí HG Media	107.362.763	107.362.763	538.054.851	538.054.851
Công ty CP TM và SX nội thất THEONE	412.500.000	412.500.000	351.000.000	351.000.000
Công ty TNHH GRAB	23.162.599	23.162.599	313.500.000	313.500.000
Trường Đại học Gia Định	400.000.000	400.000.000	-	-
Công ty CP Phát triển giáo dục H.A.S	209.787.600	209.787.600	-	-
Công ty CP Tập đoàn công nghệ CMC	230.906.775	230.906.775	174.112.875	174.112.875
Các khách hàng khác	3.318.947.025	3.318.947.025	2.427.528.076	2.427.528.076
Tổng	4.999.694.500	4.999.694.500	4.459.786.091	4.459.786.091

5.16 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2023		Đơn vị tính: VND	
	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số phải nộp trong kỳ	30/06/2023
Thuế giá trị gia tăng	4.585.755.809	9.852.656.884	(11.940.039.591)	2.498.373.102
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.150.922.347	1.200.418.490	(5.150.922.347)	1.200.418.490
Thuế thu nhập cá nhân	93.565.849	855.533.714	(698.873.871)	250.225.692
Thuế bảo vệ MT và các loại thuế khác	2.064.682.551	7.582.874.934	(8.416.450.058)	1.231.107.427
Tổng	11.894.926.556	19.491.484.022	(26.206.285.867)	5.180.124.711

5.17 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2023		01/01/2023	
	VND	VND	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	35.273.378		21.122.249	
Tổng	35.273.378		21.122.249	

5.18 Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Kinh phí công đoàn	513.734.988	513.734.988	427.046.988	427.046.988
Nhận ký quỹ ngắn hạn	74.693.235	74.693.235	-	-
Các khoản phải trả khác	323.691.500	323.691.500	325.385.500	325.385.500
Tổng	912.119.723	912.119.723	752.432.488	752.432.488

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**5.19 Vay và nợ thuê tài chính**

	30/06/2023 (VND)		Trong kỳ		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	50.374.721.572	50.374.721.572	86.216.187.590	(57.257.079.607)	21.415.613.589	21.415.613.589
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Nam Thăng Long (i)	50.374.721.572	50.374.721.572	86.216.187.590	(57.257.079.607)	21.415.613.589	21.415.613.589
Dư nợ tín dụng	1.913.048.623	1.913.048.623	30.696.996.365	(31.886.654.542)	3.102.706.800	3.102.706.800
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hoàn Kiếm (ii)	826.483.228	826.483.228	25.481.894.771	(27.121.992.187)	2.466.580.644	2.466.580.644
Ngân hàng Citibank, N.A - Chi nhánh Hà Nội (iii)	1.086.565.395	1.086.565.395	5.215.101.594	(4.764.662.355)	636.126.156	636.126.156
Tổng	52.287.770.195	52.287.770.195	116.913.183.955	(89.143.734.149)	24.518.320.389	24.518.320.389

(i) Hợp đồng cho vay hạn mức số 001/2022 - HĐCVHM/NHCT140 - CLEVERADS ký ngày 08/12/2022 với hạn mức tín dụng là 40.000.000.000 VND, thời hạn duy trì hạn mức là 01 năm từ ngày 08/12/2022 đến 08/12/2023; theo văn bản sửa đổi bổ sung hạn mức số 02/2023-HĐCV-SDB02/NHCT140-CLEVER GROUP ngày 24/05/2023 hạn mức được nâng lên thành 55.000.000.000 VND. Khoản vay được giải ngân theo từng đợt theo kế hoạch nhận nợ cụ thể có thời hạn vay 04 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất 6%/ năm. Mục đích của khoản vay là để bổ sung vốn thực hiện hoạt động kinh doanh của Công ty. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản sau:

Trái phiếu mã số CTG1929T2/01_270 và CTG2028T2/02-119 có giá trị ghi sổ tại ngày 30/06/2023 lần lượt là 5.010.000.000 VND và 35.000.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, theo hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 005/2019/HĐBĐ/NHCT140 - CLEVERGROUP ngày 17/01/2020 hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 08/2020/HĐBĐ/NHCT140 - CLEVERGROUP ký ngày 24/9/2020 giữa Ngân hàng và Công ty (Thuyết minh số 5.6).

(ii) Khoản vay thông qua thẻ tín dụng Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, có hạn mức 2.700.000.000 VND với mục đích thanh toán chi phí quảng cáo cho Google. Khoản vay được miễn lãi 60 ngày kể từ ngày giải ngân, sau thời hạn miễn lãi khoản vay chịu lãi suất 30%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ tiền gửi tại Ngân hàng này với giá trị tại ngày 30/06/2023 là 4.249.677.233 VND (Thuyết minh số 5.6).

(iii) Khoản vay thông qua thẻ tín dụng Ngân hàng Citibank, có hạn mức 1.500.000.000 VND với mục đích thanh toán chi phí quảng cáo cho Google. Khoản vay được miễn lãi 10 ngày kể từ ngày thông báo giao dịch hàng tháng, sau thời hạn miễn lãi khoản vay chịu lãi suất 3%/tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ số tiết kiệm của Công ty tại Ngân hàng Citibank với giá trị tại ngày 30/06/2023 là 1.500.000.000 VND (Thuyết minh số 5.6).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**5.20 Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Số dư đầu năm trước	198.890.980.000	34.940.000	-	53.608.247.147	252.534.167.147
Tăng vốn điều lệ	-	-	-	-	-
Phát hành cổ phiếu ESOP	-	-	-	-	-
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	14.914.230.000	-	-	(14.914.230.000)	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	35.403.869.164	35.403.869.164
Tăng khác	-	-	189.516.227	-	189.516.227
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	(189.516.227)	-	(189.516.227)
Số dư cuối năm trước/đầu kỳ này	213.805.210.000	34.940.000	-	74.097.886.311	287.938.036.311
Tăng vốn điều lệ	-	-	-	-	-
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ này	-	-	-	4.284.320.772	4.284.320.772
Tăng khác	-	-	102.002.542	-	102.002.542
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	(102.002.542)	-	(102.002.542)
Số dư cuối kỳ này	213.805.210.000	34.940.000	-	78.382.207.083	292.222.357.083

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

5.20 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2023 (VND)	01/01/2023 (VND)
Ông Nguyễn Khánh Trình	59.828.350.000	59.828.350.000
Ông Dư Khắc Châu	1.815.170.000	1.918.170.000
YELLO DIGITAL MARKETING GLOBAL PTE LTD (tên mới là FSN Asia Private Ltd)	85.612.430.000	85.612.430.000
Các cổ đông khác	66.549.260.000	66.446.260.000
Tổng	213.805.210.000	213.805.210.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:

	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 (VND)	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2022 (VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	213.805.210.000	198.890.980.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	213.805.210.000	198.890.980.000
Cổ tức:	-	-

d. Cổ phiếu

	30/06/2023 Cổ phiếu	01/01/2023 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.380.521	21.380.521
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	21.380.521	21.380.521
Cổ phiếu phổ thông	21.380.521	21.380.521
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.380.521	21.380.521
Cổ phiếu phổ thông	21.380.521	21.380.521
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 đồng/cổ phiếu	

**5.21 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán
Tài sản thuê ngoài**

	30/06/2023	01/01/2023
Tổng số tiền thuê tối thiểu (VND) trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:		
Từ 01 năm trở xuống	2.679.184.240	3.405.825.923
Trên 01 năm đến 05 năm	2.220.000.000	3.106.837.833
Tổng	4.899.184.240	6.512.663.756
Ngoại tệ các loại	30/06/2023	01/01/2023
Đô la Mỹ (USD)	44.893,33	2.092,43

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2022 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	143.861.457.938	211.803.691.462
Tổng	143.861.457.938	211.803.691.462
Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 7.2)	12.392.293.313	11.919.491.107

6.2 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2022 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	126.938.154.035	186.913.402.950
Tổng	126.938.154.035	186.913.402.950

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2022 VND
Lãi tiền gửi, trái phiếu, tiền cho vay	6.825.946.342	10.760.260.558
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	102.002.542	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	771.874	341.909.738
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	-	2.293.193
Tổng	6.928.720.758	11.104.463.489

6.4 Chi phí tài chính

	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2022 VND
Chi phí lãi vay	1.065.409.547	3.290.904.202
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	351.628.386	10.434
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư	(64.952.199)	1.207.334.665
Chi phí tài chính khác	-	-
Tổng	1.352.085.734	4.498.249.301

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2022 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	4.037.196.360	2.589.192.145
Chi phí đồ dùng văn phòng	21.220.908	16.518.500
Chi phí khấu hao TSCĐ	732.280.554	719.377.329
Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	-
Thuế, phí và lệ phí	7.000.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.291.502.877	2.127.463.161
Chi phí khác bằng tiền	1.260.371.294	1.163.829.087
Tổng	8.349.571.993	6.616.380.222
Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	7.842.586.459	7.147.579.941
Chi phí dịch vụ mua ngoài	258.544.168	134.978.893
Chi phí khác bằng tiền	34.038.183	7.189.676
Tổng	8.135.168.810	7.289.748.510

6.6 Thu nhập khác và chi phí khác

	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2022 VND
Thu nhập khác	34.732.007	9.484.339
- Xử lý số dư công nợ	60.612	726.439
- Các khoản khác	34.671.395	8.757.900
Chi phí khác	565.190.869	990.915.301
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ và CCDC	-	207.223.904
- Chi phí khấu hao xe không hợp lý	269.943.834	245.102.495
- Chi ủng hộ, tài trợ, cho tặng	229.508.945	228.000.000
- Tiền phạt vi phạm hợp đồng	42.842.000	-
- Tiền phạt thuế	17.842.558	105.547.571
- Các khoản khác	5.053.532	205.041.331
Thu nhập khác/Chi phí khác (thuận)	(530.458.862)	(981.430.962)

6.7 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	21.220.908	16.518.500
Chi phí nhân công	16.125.457.593	12.120.398.098
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.002.224.388	964.479.824
Chi phí dịch vụ mua ngoài	125.726.580.184	196.819.476.384
Chi phí khác bằng tiền	3.322.104.301	1.784.079.341
Tổng	146.197.587.374	211.704.952.147

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2022 VND
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế	5.484.739.262	16.608.943.006
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận/(lỗ) theo kế toán	517.353.186	8.796.456
Chi phí không được trừ	517.353.186	578.650.066
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Thu nhập không chịu thuế (do đã tính vào năm trước)	-	(569.853.610)
Lợi nhuận/(lỗ) điều chỉnh trước thuế chưa trừ lỗ năm trước	6.002.092.448	16.617.739.462
Thu nhập tính thuế TNDN	6.002.092.448	16.617.739.462
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu (thừa) năm trước	-	120.039.030
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.200.418.490	3.443.586.922
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.200.418.490	3.443.586.922

7 THÔNG TIN KHÁC**7.1 Các khoản cam kết****Cam kết thuê hoạt động**

Các khoản cam kết thuê hoạt động bao gồm:

- Tiền thuê 520 m² văn phòng tại số 27 Thăng Long, Phường 04, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh với giá thuê 3.000.000 VND/m²/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 6 năm tính từ ngày 12/09/2020.
- Tiền thuê 407,5 m² văn phòng tại số 2 Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội với giá thuê 2.748.000 VND/m²/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 5 năm tính từ ngày 15/07/2018.
- Tiền thuê 80,24 m² văn phòng tầng 6 tại tòa nhà Thành Quân Building, số 132 - 136 Lê Đình Lý, phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng với giá thuê 22.066.000 VND/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 2 năm tính từ ngày 22/05/2022.
- Tiền thuê 108 m² văn phòng tại số 2 Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội với giá thuê 20.571.055 VND/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 5 năm tính từ ngày 01/08/2018.
- Tiền thuê 145,45 m² văn phòng tại số 2 Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội với giá thuê 27.670.408 VND/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 03 năm tính từ ngày 01/12/2020.

Cam kết vốn

Ngày 26/09/2017, Hội đồng quản trị đã phê duyệt tổng mức vốn đầu tư cho Công ty TNHH Quảng cáo Thông minh Myanmar là 1.138.000.000 VND. Tại ngày 30/06/2023, giá trị đã đầu tư là 0 VND và tổng giá trị đầu tư Công ty đã ký nhưng chưa thực hiện là 1.138.000.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

7.2 Thông tin về các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty PT CleverAds	Công ty con
Công ty CP Review Thông minh	Công ty con
Công ty CP Orion Media	Công ty con
Công ty CP Truyền thông NAH	Công ty con
Công ty CP Công nghệ quảng cáo ADTECH	Công ty con
Công ty CP Trực tuyến CleverX	Công ty con
Công ty CP Công nghệ Giáo dục lớp học mới	Công ty con
Công ty CP CMetric	Công ty con
Công ty TNHH Quảng Cáo thông minh Myanmar	Công ty con
Công ty cổ phần AGLOBAL	Công ty con
Công ty CLEVERADS PHILLIPINE	Công ty con
Công ty CP Mạng Quảng Cáo Thông Minh	Công ty liên kết
Công ty TNHH ADOP Vietnam	Công ty liên kết
Công ty cổ phần công nghệ Lazi	Công ty liên kết
Công ty cổ phần TECHCEN	Công ty liên kết
Công ty TNHH VKIDS Việt Nam	Công ty liên kết
Các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể
Công ty cổ phần Kho ứng dụng thông minh	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty cổ phần JobsGO	Cùng thành viên quản lý chủ chốt

a. Thu nhập Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Thù lao trả cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và những người quản lý khác của Công ty phát sinh trong kỳ, chi tiết như sau:

	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2022 VND
Tiền lương và phụ cấp	1.596.282.979	1.795.869.643
Cộng	1.596.282.979	1.795.869.643

Thù lao Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức danh</u>	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2022 VND
Ông Nguyễn Khánh Trinh	Chủ tịch	310.000.000	363.600.000
Bà Đôn Nữ Đức Hiền	Phó Chủ tịch HĐQT/Giám đốc	148.982.979	270.400.000
Bà Lưu Hoàng Anh	Ủy viên	338.000.000	224.079.070
Ông Dư Khắc Châu	Ủy viên	360.000.000	239.600.000
Tổng		1.156.982.979	1.097.679.070

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

Tiền lương của Ban Giám đốc và những người quản lý khác

Họ và tên	Chức danh	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2022 VND
Ông Bạch Dương	Giám đốc	260.000.000	353.290.573
Bà Trần Thị Minh Tình	Giám đốc Chi nhánh Đà Nẵng	179.300.000	148.700.000
Bà Nguyễn Thị Hồi	Kế toán trưởng	-	196.200.000
Bà Nguyễn Thị Nga	Kế toán trưởng	360.600.000	-
Tổng		439.300.000	698.190.573

b. Giao dịch với bên liên quan

Các bên có liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2022 VND
Bán hàng				
Công ty PT CleverAds	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	2.108.437.677	1.042.994.752
Công ty CP Review Thông minh	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	2.505.977.029	4.892.325.232
Công ty CP Orion Media	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	3.880.379	348.060.951
Công ty CP CMetric	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	-	588.312.447
Công ty CleverAds Philippines Corporation	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	4.865.055.270	1.180.757.344
Công ty cổ phần AGLOBAL	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	493.467.437	2.995.000
Công ty cổ phần JobsGO	Cùng thành viên quản lý chủ chốt	Cung cấp dịch vụ	1.317.259.939	1.523.837.552
Công ty cổ phần công nghệ Lazi	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	1.096.757.405	1.206.539.684
Công ty cổ phần TECHCEN	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	1.458.177	129.147.457
Công ty TNHH VKIDS Việt Nam	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	-	1.004.520.688
Tổng			12.392.293.313	11.919.491.107

Các bên có liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2022 VND
Mua hàng				
Công ty CP Review Thông minh	Công ty con	Mua dịch vụ	1.040.589.831	654.023.038
Công ty CP Orion Media	Công ty con	Mua dịch vụ	-	15.375.000
Ông Nguyễn Khánh Trinh	Chủ tịch HĐQT	Mua biệt thự	29.213.879.040	-
Ông Nguyễn Khánh Trinh	Chủ tịch HĐQT	Trả tiền mua biệt thự	27.400.000.000	-
Phải thu khác				
Ông Nguyễn Khánh Trinh	Chủ tịch HĐQT	Thu tiền chuyển nhượng trái phiếu	20.900.000.000	-
Ông Nguyễn Khánh Trinh	Chủ tịch HĐQT	Hoàn ứng	3.800.000.000	-
Ông Bạch Dương	Giám đốc	Hoàn ứng	2.500.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

c. Số dư với các bên liên quan

Các bên có liên quan	Mối quan hệ	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Phải thu khách hàng		8.462.774.038	7.027.249.242
Công ty cổ phần JobsGO	Cùng thành viên quản lý chủ chốt	329.190.068	137.470.754
Công ty CleverAds Philippines Corporation	Công ty con	2.889.495.356	2.840.814.626
Công ty PT CleverAds	Công ty con	4.219.441.484	3.108.440.488
Công ty CP CMETRIC	Công ty con	468.903.154	656.464.416
Công ty CP AGLOBAL	Công ty con	10.132.976	8.776.409
Công ty CP công nghệ Lazi	Công ty liên kết	545.611.000	164.426.989
Công ty TNHH VKIDS VN	Công ty liên kết	-	110.855.560
Phải trả người bán		4.542.754.939	564.674.111
Công ty CP Review Thông minh	Công ty con	228.875.899	564.674.111
Công ty CP Truyền thông NAH	Công ty con	2.500.000.000	-
Ông Nguyễn Khánh Trình	Chủ tịch HĐQT	1.813.879.040	-
Phải thu khác		-	27.200.000.000
Ông Nguyễn Khánh Trình	Chủ tịch HĐQT	-	24.700.000.000
Ông Bạch Dương	Giám đốc	-	2.500.000.000

7.3 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 15/04/2023, Công ty có kế hoạch phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành là 64.100 cổ phiếu; mệnh giá 10.000 đồng/CP; tổng giá trị phát hành theo mệnh giá là 641.000.000 đồng. Thời gian phát hành dự kiến là trong năm 2023 sau khi nhận được sự chấp thuận của Ủy ban chứng khoán Việt Nam.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc kỳ kế toán.

7.4 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Chi nhánh Miền Bắc.

Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2022 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Chi nhánh Miền Bắc.

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ NGÀ

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ NGÀ

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2023

Giám đốc



ĐÓN NỮ ĐỨC HIỀN